

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ĐỨC

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2020 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>(SV có thể chọn học tại HK1 hoặc HK II)</i>	3	3	QH.2020 HỌC KỲ 2	GER4023	Tiếng Đức 2A	4	8
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		GER4024	Tiếng Đức 2B	4	8
	GER4021	Tiếng Đức 1A	4	8		FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc ĐH	3	4
	GER4022	Tiếng Đức 1B	4	8		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	0	4			Ngoại ngữ B1	5	4
							Tự chọn khối II	6	6
QH.2018 HỌC KỲ 5	GER3026	Lý luận giảng dạy tiếng Đức	3	3	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3	
	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3	
	PSF3008	Giáo dục học	3	3	GER3035	Phương pháp giảng dạy tiếng Đức	3	3	
	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước & quản lý ngành g	2	2	
	GER2039	Đất nước học Đức	3	3		Học phần tự chọn (Khối IV.1.2)	6	6	
					GER2035	Văn học Đức 1	3	3	
		Học phần tự chọn (Khối III.2)	2	2	GER2015	Đất nước học Áo - Thụy Sĩ	3	3	
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		<i>SV có thể tích lũy HP tự chọn khối IV.1.2 ở HK6 hoặc/và HK7</i>			
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		Học phần tự chọn (Khối V.2.1)	9	9	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3	
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2	GER3032	Phương pháp giảng dạy Đất nước học và giao tiếp liên văn hóa	3	3	
		<i>SV đã tích lũy HP tự chọn thuộc khối III.2 ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5</i>			GER3022	Giảng dạy ngoại ngữ theo định hướng hành động	3	3	
					<i>SV có thể tích lũy HP tự chọn khối V.2.1 ở HK6 hoặc/và HK7</i>				

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Lê Hoài Ân

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ ĐỨC - ĐỊNH HƯỚNG PHIÊN DỊCH

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2019 HỌC KỲ 3	GER4025	Tiếng Đức 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỲ 4	GER4028	Tiếng Đức 4A	4	8
	GER4026	Tiếng Đức 3B	4	8		GER4029	Tiếng Đức 4B	4	8
	GER4031	Tiếng Đức 3C	3	3		GER4032	Tiếng Đức 4C	4	4
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
		Tự chọn khối III.2	4	4			Tự chọn khối II	6	6
	VLFI053	Tiếng Việt thực hành	2	2		GER1001	Địa lý đại cương	3	3
	FLFI001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2		GER1002	Môi trường và phát triển	3	3
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2					
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2					
<i>SV có thể tích lũy HP tự chọn khối III.2 ở HK3 hoặc HK5</i>									
QH.2018 HỌC KỲ 5	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
	GER3036	Kỹ năng nghiệp vụ Biên - Phiên dịch	3	3		GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	GER2039	Đất nước học Đức	3	3		GER3016	Biên dịch	3	3
	GER3027	Lý Thuyết dịch	3	3		GER3029	Phiên dịch	3	3
		Học phần tự chọn (Khối III.2)	2	2			Học phần tự chọn (IV.1.2)	6	6
	FLFI003	Tư duy phê phán	2	2		GER2055	Văn học Đức 1	3	3
	FLFI002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		GER2015	Đất nước học Áo- Thụy Sĩ	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2					
	FLFI004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2					
QH.2017 HỌC KỲ 7	GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	GER4001	Thực tập	3	3
	GER3018	Biên dịch nâng cao	3	3		GER4051	Khóa luận Tốt nghiệp/ Học phần tương đương	6	6
		Học phần tự chọn (IV.1.2)	6	6		GER2054	Từ vựng học Tiếng Đức	3	3
	GER2054	Từ vựng học Tiếng Đức	3	3		GER3030	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	GER2045	Ngữ nghĩa học tiếng Đức	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	GER3017	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	GER2043	Ngữ dụng học tiếng Đức	3	3		GER3039	Tiếng Đức Tài chính- Ngân hàng	3	3
	GER2038	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	GER2056	Văn học Đức 2	3	3					
		Học phần tự chọn (V.1.2.1)	6	6					
	GER3020	Công nghệ trong dịch thuật	3	3					
	GER3021	Dịch văn học	3	3					
	GER3028	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					
	GER3030	Phiên dịch chuyên ngành	3	3					
	GER3017	Biên dịch chuyên ngành	3	3					
		Học phần tự chọn (V.1.2.2)	3	3					
	GER3025	Kinh tế Đức	3	3					
	GER3024	Kinh tế du lịch Đức	3	3					
	GER3042	Tiếng Đức Kinh tế	3	3					
	GER3039	Tiếng Đức Tài chính- Ngân hàng	3	3					
	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	3					

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Lê Hoài Ân

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ ĐỨC - ĐỊNH HƯỚNG DU LỊCH

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2019 HỌC KỲ 3	GER4025	Tiếng Đức 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỲ 4	GER4028	Tiếng Đức 4A	4	8
	GER4026	Tiếng Đức 3B	4	8		GER4029	Tiếng Đức 4B	4	8
	GER4031	Tiếng Đức 3C	3	3		GER4032	Tiếng Đức 4C	4	4
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
		Tự chọn khối III.2	4	4			Tự chọn khối II	6	6
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2		GER1001	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2		GER1002	Môi trường và phát triển	3	3
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2					
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2					
		<i>SV có thể tích lũy HP tự chọn khối III.2 ở HK3 hoặc HK5</i>							
QH.2018 HỌC KỲ 5	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		TOU2003	Kinh tế du lịch	3	3
	GER2039	Đất nước học Đức	3	3		GER3029	Phiên dịch	3	3
	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	3		GER3016	Biên dịch	3	3
	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	3			Học phần tự chọn (IV.1.2)	6	6
		Học phần tự chọn (Khối III.2)	2	2		GER2055	Văn học Đức 1	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		GER2015	Đất nước học Áo- Thụy Sĩ	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2			Học phần tự chọn (V.3.2.1)	6	6
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		GER3041	Tiếng Đức du lịch nâng cao	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		TOU3013	Hướng dẫn du lịch	3	3
				TOU2009	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3		
				TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3		
QH.2017 HỌC KỲ 7	GER3045	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	GER4001	Thực tập	3	3
		Học phần tự chọn (IV.1.2)	6	6		GER4051	Khóa luận Tốt nghiệp / Học phần tương đương	6	6
	GER2054	Từ vựng học tiếng Đức	3	3		GER2054	Từ vựng học Tiếng Đức	3	
	GER2045	Ngữ nghĩa học tiếng Đức	3	3		GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	
	GER2043	Ngữ dụng học tiếng Đức	3	3					
	GER2038	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	GER2056	Văn học Đức 2	3	3					
		Học phần tự chọn (V.3.2.1)	3	3					
	GER3041	Tiếng Đức du lịch nâng cao	3	3					
		Học phần tự chọn (V.3.2.2)	3	3					
	GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	3					
	GER3018	Biên dịch nâng cao	3	3					
	GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	3					
	GER3024	Kinh tế du lịch Đức	3	3					

TRƯỞNG KHOA

Lê Hoài Ân

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thúy Lan

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ ĐỨC - ĐỊNH HƯỚNG KINH TẾ

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	
QH.2019 HỌC KỶ 3	GER4025	Tiếng Đức 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỶ 4	GER4028	Tiếng Đức 4A	4	8	
	GER4026	Tiếng Đức 3B	4	8		GER4029	Tiếng Đức 4B	4	8	
	GER4031	Tiếng Đức 3C	3	3		GER4032	Tiếng Đức 4C	4	4	
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
		Tự chọn khối III.2	4	4			Tự chọn khối II	6	6	
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2		GER1001	Đạo lý đại cương	3	3	
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2		GER1002	Môi trường và phát triển	3	3	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2						
	MAT1078	Thống kê cho KHXH	2	2						
		SV có thể tích lũy HP tự chọn khối III.2 ở HK3 hoặc HK5								
QH.2017 HỌC KỶ 7	FIB2001	Kinh tế tiền tệ ngân hàng	3	3	QH.2017 HỌC KỶ 8	GER4001	Thực tập	3	3	
		Học phần tự chọn (IV.1.2)	6	6		GER4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 học phần tự chọn trong số khối IV, V	6	6	
	GER2054	Từ vựng học tiếng Đức	3							
	GER2045	Ngữ nghĩa học tiếng Đức	3							
	GER2043	Ngữ dụng học tiếng Đức	3							
	GER2038	Ngôn ngữ học đối chiếu	3							
	GER2056	Văn học Đức 2	3							
		SV đã tích lũy HP tự chọn khối IV.1.2 ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7								
		Học phần tự chọn (V.2.2.1)	6	6						
	GER3043	Tiếng Đức kinh tế nâng cao	3							
	GER3025	Kinh tế Đức	3							
	BSA2004	Nhập môn Quản trị học	3							
	INE2020	Kinh tế Quốc tế	3							
	BSA2002	Nhập môn Marketing	3							
	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3							
	INE2003	Kinh tế phát triển	3							
		Học phần tự chọn (V.2.2.2)	3	3						
GER3031	Phiên dịch nâng cao	3								
GER3018	Biên dịch nâng cao	3								
GER3039	Tiếng Đức Tài chính - Ngân hàng	3								
GER3038	Tiếng Đức Du lịch	3								
GER3024	Kinh tế du lịch Đức	3								

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG BẢO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Lê Hoài Ân

Nguyễn Thủy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ ĐỨC - CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO TT23

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2020 HỌC KỲ 1	GER4021*	Tiếng Đức 1A	4	8	QH.2019 HỌC KỲ 2	GER4023*	Tiếng Đức 2A	4	8
	GER4022*	Tiếng Đức 1B	4	8		GER4024*	Tiếng Đức 2B	4	8
	FLF1107***	Tiếng Anh Chất lượng cao 1	5	8		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	HIS 1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc Đại học	3	4		FLF1108***	Tiếng Anh Chất lượng cao 2	5	8
							Tự chọn khối II		
					FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3	
QH.2019 HỌC KỲ 3	GER4025*	Tiếng Đức 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỲ 4	GER4028*	Tiếng Đức 4A	4	8
	GER4026*	Tiếng Đức 3B	4	8		GER4029*	Tiếng Đức 4B	4	8
	GER4027**	Tiếng Đức 3C	2	4		GER4030**	Tiếng Đức 4C	2	4
	FLF1009***	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3		INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
		Tự chọn khối III.2	4	4			Tự chọn khối II	6	6
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2		GER2001***	Địa chính trị	3	3
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2		GER1002	Môi trường và Phát triển	3	3
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2		FLF1005***	Tìm hiểu Cộng đồng Châu Á	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2					
		SV có thể tích lũy HP khối III.2 ở HK3 hoặc HK5							

TRƯỜNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Lê Hoài Ân

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh